

Bản án số: 818/2019/HSPT
Ngày 20/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI H
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng P;

- Các Thẩm phán: + Ông Thái Duy N;
+ Ông Nguyễn Xuân P;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu H, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự Thụ lý số 582/2019/TLPTH ngày 30 tháng 7 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 18/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Văn T, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 26 phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 08/12; con ông Đinh Văn T và bà Bùi Thị Kim L; vợ là Nguyễn Thị Ngọc M và 02 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân của bị cáo: Bị cáo Đinh Văn T đã bị 04 tiền án nhưng đã đều được xóa án tích, cụ thể là:

(1) Bản án số 957/HSST ngày 08/8/2000 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt Đinh Văn T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản của công dân”, thời gian thử thách là 24 tháng;

(2) Bản án số 16/HSST ngày 17/01/2002 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt Đinh Văn T 18 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; tổng hợp hình phạt với Bản án số 957/HSST ngày 08/8/2000 của Tòa án nhân dân thành phố H là 33 tháng tù giam;

(3) Bản án số 48/2005/HSST ngày 22/3/2005 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố H xử phạt Đinh Văn T 10 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”;

(4) Bản án số 195/2011/HSST ngày 11/8/2011 của Tòa án nhân dân quận Long Biên xử phạt Đinh Văn T 26 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”.

Trong vụ án này bị cáo ra đầu thú và bị tạm giam từ ngày **05/3/2018**; có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Hội đồng xét xử.

2. Nguyễn Tiến Q, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 14 Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố H; nơi ở: Tổ 26, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 09/12; con ông Nguyễn Tiến M và bà Nguyễn Thị Đ; vợ là Đinh Thị C và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo ra đầu thú, tạm giam từ ngày **05/3/2018**; có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất của Hội đồng xét xử.

3. Đinh Thị Cẩm A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 14 Hàng Khoai, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố H; nơi ở: Tổ 26, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 09/12; con ông Đinh Văn T và bà Bùi Thị Kim L; chồng là Nguyễn Tiến Q và 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; ra đầu thú ngày 05/3/2018, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa: Bà Đặng Thị Ngọc H là Luật sư của Công ty Luật TNHH Việt Tâm thuộc Đoàn Luật sư thành phố H bào chữa bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo Đinh Văn T, Nguyễn Tiến Q, Đinh Thị C; có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

Lê Văn T, sinh ngày 28 tháng 8 năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn Hồng Lĩnh, xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh B; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: 09/12; con ông Lê Văn V và bà Hoàng Thị T; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; ra đầu thú ngày 04/3/2018; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/3/2018.

Bị hại không kháng cáo:

Công ty Cổ phần Nhất P; trụ sở của công ty tại Số 142 Nguyễn Tri Phương, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đ; vắng mặt tại phiên tòa; đại diện Công ty có đơn xin giảm hình phạt cho các bị cáo.

Trong vụ án này còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan song đều không kháng cáo, không bị kháng nghị.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có thời gian làm phụ xe vận tải hàng hóa đường dài nên Lê Văn T biết được sơ hở trong công tác quản lý và hoạt động vận tải hàng hóa của các công ty vận tải trong việc hợp đồng vận chuyển, hình thức giao nhận hàng hóa không có chủ hàng đi cùng nên Lê Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Để thực hiện ý đồ đó ngày 18/02/2018, T lên mạng xã hội (Zalo) tìm được thông tin của

Công ty Nhất P do anh Mai Minh V, sinh năm 1978, trú tại: số 142 Nguyễn Tri Phương, Chính Gián, Thanh Khê, Đ làm giám đốc. T sử dụng số 0928712836 (sim rác), lấy tên giả là M để liên lạc với chị Chúc Thị Mỹ N là nhân viên Công ty Nhất P nói dối chị Nga đề nghị được vận chuyển hàng hóa cho công ty. Ngày 20/02/2018, Công ty Nhất P thông tin lại cho T về việc có nhu cầu vận chuyển hàng hóa từ Biên Hòa, Đ đến Cảng Đình Vũ, H vào ngày 22/02/2018.

Sau khi có thông tin từ Công ty Nhất P, T tiếp tục dùng tên giả là M để liên lạc với Công ty vận tải M, trụ sở tại số 2094 Quốc lộ 1A, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố H, tự giới thiệu là chủ hàng và đề nghị thuê xe vận chuyển hàng hóa từ Biên Hòa, Đ đến Cảng Đình Vũ, H. Công ty M đã liên hệ thuê lại xe ô tô container Biển kiểm soát 51C-440.30 của Công ty vận tải N, địa chỉ: 437 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Thành Phố H do lái xe Phan Tiến H, sinh năm 1979, trú quán: Khu 3, phường Trảng Dài, Biên Hòa, Đ và chuyển thông tin cho T để làm thủ tục nhận hàng. T chuyển lại thông tin trên cho Công ty Nhất P và được thông báo sáng 22/02/2018 lấy hàng tại Tổng kho của Công ty điện và điện tử TCL, địa chỉ: Xa lộ H, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đ. Sau khi có lịch lấy hàng, T đã thông báo cho Công ty M biết. Theo đúng lịch, khoảng 10 giờ ngày 22/02/2018, anh Phan Tiến H điều khiển xe container BKS 51C-440.30 kéo theo rơ moóc BKS 51R-070.84 đến Tổng kho Công ty TCL nhận 500 Ti vi và bắt đầu vận chuyển ra H. T đi đến ngã 3 Trị An, tỉnh Đ chờ sẵn rồi gọi điện cho anh H giới thiệu là chủ hàng, hẹn gặp và yêu cầu anh H giao cho T toàn bộ hồ sơ xuất kho của chuyến hàng, lúc này T biết hàng hóa đang vận chuyển là 500 chiếc Ti vi TCL.

Trước đó Lê Văn T đã nói chuyện với Đinh Văn T về việc có ý định chiếm đoạt tài sản của các công ty vận tải hàng hóa đường dài, rủ T cùng tham gia và sau khi T thỏa thuận được với 02 Công ty Nhất P và M, T đã gọi điện rủ Đinh Văn T cùng tham gia thực hiện việc chiếm đoạt số tivi trên và hứa chia một nửa số tài sản chiếm đoạt được, T đồng ý. T đem theo bộ hồ sơ đi xe khách ra H. Đêm ngày 23/02/2018, T ra đến H và được T đón đưa về nhà vợ chồng em ruột của T là Nguyễn Tiến Q và Đinh Thị C ở Tổ 26, Thượng Thanh, Đồng Đa, H. Tại đây T nói lại cho T, Q và C biết cách thức mà T đã hợp đồng được với chủ hàng và phương tiện vận chuyển hàng hóa, lấy được thông tin hàng hóa và đề thuận tiện cho việc chiếm đoạt hàng hóa trên xe và tránh sự nghi ngờ của lái xe cần có tiền để trả một phần cước vận chuyển nên T đã hỏi vay vợ chồng Q, C số tiền 25.000.000 đồng và hứa hẹn với vợ chồng Q, C xong việc T sẽ cho vợ chồng Q, C 10.000.000 đồng. Q và C đồng ý cho T vay tiền và thực hiện theo sự điều hành của T như: Q đi ghi số điện thoại của cửa hàng mua bán, sửa chữa điện tử để tìm điểm tiêu thụ tivi, còn C chuẩn bị tiền cho T vay, trực tiếp đi nhận tiền sau khi bán ti vi đem về cho T.

Sáng 24/02/2018, T liên lạc với anh H yêu cầu xuống hàng tại H. Sau đó, T phân công Q đi tìm các thông tin các cửa hàng mua bán, sửa chữa điện tử đem về cho T để liên lạc tiêu thụ, còn T và T thì bàn bạc tìm địa điểm để dừng xe, mở container lấy tivi, T và T đi B tìm được người mua tivi là Trần Đức H, sinh năm 1988, cư trú tại Trúc Ổ, Mộ Đạo, Quế Võ, B. T đã lên mạng tìm được nơi tiêu thụ tivi là Cửa hàng điện tử Q Cường, địa chỉ: số 708 Trương Định, Giáp Bát, Hoàng Mai, H do hai anh em Lục Văn C và Lục Văn Mùi T, cùng cư trú tại số 708 Trương Định, Giáp Bát, Hoàng Mai, H là chủ cửa hàng.

Ngày 25/02/2018, T, T tìm được địa điểm xuống tivi là bãi đất trống gần cầu Đông Trù, huyện Đông Anh, H. Q, C cho vay số tiền 27.000.000 đồng để trả tiền cước xe container (nhằm tạo niềm tin cho anh Phan Tiến H), tiền bốc xếp, vận chuyển hàng đi tiêu thụ, mua kìm cộng lực để cắt chì container. Q, C sẽ giúp T trong việc bán số tivi chiếm đoạt được.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, do T chưa thuê được xe tải và người bốc xếp nên T có lên mạng tìm được số điện thoại của anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ 3, Việt Hưng, Long Biên, H. Thông qua anh V, T thuê 01 xe tải loại 1,25 tấn do lái xe là Nguyễn Văn H, sinh năm 1966, nơi cư trú: 8C Lạc Trung A, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, H và 01 xe tải loại 5 tấn do lái xe là Bạch Thế P, sinh năm 1972, nơi cư trú: số 124 Kim Ngưu, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, H và 04 người bốc vác là Lê Văn Q, sinh năm 1963, Lê Văn S, sinh năm 1988, Trần Văn H, sinh năm 1977, Cao Văn D, sinh năm 1983, cùng nơi cư trú tại Thiệu Giang, Thiệu Hóa, T đến địa điểm xuống hàng chờ sẵn.

Theo hướng dẫn của T, khoảng 11 giờ ngày 25/02/2018, T đem theo bộ hồ sơ hàng hóa, lấy tên giả là Thắng, nhân viên giao nhận kho miền Bắc của Công ty TCL, dùng số điện thoại 0933.556.211 (sim rác) để liên hệ với anh H chỉ dẫn lái xe về khu vực bãi đất trống gần cầu Đông Trù thuộc thôn Đông, xã Tầm Xá, huyện Đông Anh, H. Tại đây, T dùng kìm cộng lực cắt chì, mở container rồi chỉ đạo anh Q, S, H, D bốc xếp 243 chiếc tivi lên xe tải của anh P, 57 chiếc tivi lên xe tải của anh H mang đi tiêu thụ. Số hàng còn lại T nói với anh H bàn giao tại kho Đình Vũ, H, anh H tiếp tục vận chuyển về H. Khi giao nhận hàng tại kho Đình Vũ, H thì anh H mới phát hiện việc bị chiếm đoạt tài sản. Theo trình báo của Công ty cổ phần Nhất P và Công ty điện và điện tử TCL thì tổng số tivi bị chiếm đoạt là 300 chiếc với tổng trị giá là 1.988.400.000 đồng.

Sau khi lấy được 300 chiếc tivi, Lê Văn T, Đình Văn T, Nguyễn Tiến Q và Đình Thị C đã đưa tivi đi tiêu thụ, cụ thể:

Xe của anh Bạch Thế P chở 243 chiếc tivi theo sự chỉ đạo của T đi về huyện Quế Võ, B. Q dùng xe mô tô chở T, khi xe ô tô chở tivi đến thì T trực tiếp bán tivi cho Trần Đức H 219 chiếc tivi (gồm: 158 chiếc tivi 40 inch model L40S62 và model L40P62-UF với giá 2.500.000 đồng/chiếc, 61 chiếc tivi 43 inch model L43S62T với giá 3.200.000 đồng/chiếc) với tổng số tiền

582.000.000 đồng. Số tiền trên Hải giao cho T, T tại nhà H. Bán cho lái xe Bạch Thế P 01 chiếc tivi với giá 3.300.000 đồng. Số tivi còn lại T giữ 11 cái, chia cho T 10 cái, hiện bị thất lạc 02 cái. Đối với 10 chiếc tivi T chia cho T, chiều cùng ngày, T thuê Đinh Thanh C, sinh năm 1990, nơi cư trú: số 19, ngách 21/4, tổ 26, Thượng Thanh, Long Biên, H đi xe tải lên B chở về gửi tại nhà C.

Về phía Trần Đức H, sau khi mua 219 chiếc tivi, Hải bán cho Phan Văn H, sinh năm 1987, trú quán: thôn Đồng, Chi Lăng, Quế Võ, B 72 chiếc (gồm 20 chiếc tivi 43 inch model L43S62T, 27 chiếc tivi 40 inch model L40P62-UF, 25 chiếc tivi 40 inch model L40S62) với giá 3.300.000 đồng/chiếc, H đã thanh toán đủ cho H số tiền 237.600.000 đồng; Bán cho Phan Văn T, sinh năm 1987, trú quán: Lễ Xuyên, Đồng Nguyên, Từ Sơn, B 73 chiếc (gồm 18 chiếc tivi 40 inch model L40S62, 35 chiếc tivi 40 inch model L40P62-UF, 30 chiếc tivi 43 inch model L43S62T) với giá 3.300.000 đồng/chiếc, Tính đã thanh toán đủ cho Hải số tiền 240.900.000 đồng; Bán cho Nguyễn Hữu Đ 15 chiếc (gồm: 10 chiếc tivi 40 inch model L40S62, 05 chiếc tivi 43 inch model L43S62T) với giá 3.800.000 đồng/chiếc; Bán cho Trần Đức Đ, sinh năm 1973, thôn Trúc Ổ, Mộ Đạo, Quế Võ, B 08 chiếc tivi (gồm: 04 chiếc tivi 40 inch model L40P62-UF, 03 chiếc tivi 40 inch model L40S62, 01 chiếc tivi 43 inch model L43S62T) nhưng chưa thanh toán tiền; Bán lẻ cho khách không quen biết 02 chiếc tivi 40 inch với giá 4.000.000 đồng/chiếc. Còn lại H gửi tại nhà T 10 chiếc và 39 chiếc để tại nhà. Cơ quan điều tra đã thu giữ của H 39 chiếc gồm: 14 chiếc 43 inch model L43S62T, 18 chiếc 40 inch model L40S62, 05 chiếc 40 inch model L40P62-UF.

Nguyễn Hữu Đ đã bán hết 15 chiếc tivi cho khách không quen biết. Số tivi Phan Văn H mua chưa tiêu thụ, Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ 72 chiếc. Phan Văn T mua đã bán cho Trịnh Hữu G, sinh năm 1988, trú quán: Lãm Khê, Đồng Hòa, Kiến An, H 35 chiếc, còn lại giao nộp cho Cơ quan điều tra 48 chiếc (trong đó có 10 chiếc Hải gửi lại). Trịnh Hữu G, Trần Đức Đ nộp đủ số tivi đã mua cho Cơ quan điều tra.

Xe của anh Nguyễn Văn H theo sự chỉ đạo của T chở 57 chiếc tivi đi về cửa hàng điện tử Q Cường, do T đã liên hệ, thỏa thuận giá tivi loại 40 inch model L40S62 với giá 2.500.000 đồng/chiếc; loại 43 inch model L43S62T với giá 4.000.000 đồng/chiếc từ trước nên anh H đã bàn giao 57 chiếc tivi trên cho Lục Văn Mùi T (22 chiếc loại 40 inch và 35 chiếc loại 43 inch). Theo chỉ đạo của T, chiều ngày 25/02/2018, C đi đến cửa hàng điện tử Q Cường để bán số tivi trên và thu tiền về cho T, C gọi điện thoại cho Q chở C đến cửa hàng của anh C để bán 57 chiếc tivi trên với tổng giá trị là 195.000.000 đồng. Để hưởng lợi cá nhân, tại đây C nhờ Cường nói dối T có 02 chiếc tivi 43 inch bị hỏng nên chỉ mua với giá 700.000 đồng/chiếc, qua đó C cho Cường 500.000 đồng, bản thân được hưởng lợi 6.600.000 đồng, thanh toán tiền cước xe hết 500.000 đồng, tổng số tiền bán tivi còn lại là 188.400.000 đồng C mang về đưa lại cho T.

Sáng ngày 26/02/2018, C mang 07 chiếc tivi đến bán cho Lục Văn C được 19.000.000 đồng. Số tiền này, C mang về đưa T, được T cho 11.000.000 đồng. 03 chiếc tivi giữ lại mục đích sử dụng, Q đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Về phía Lục Văn C, sau khi mua 64 chiếc ti vi, C bán lại cho Lê Ngọc Q, sinh năm 1977, trú quán: nhà C12 Kim Liên, Đống Đa, H, 58 chiếc tivi (gồm 22 chiếc 40 inch model L40S62 với giá 4.000.000 đồng/chiếc, 36 chiếc 43 inch model L43S62T với giá 5.000.000 đồng/chiếc) được 268.000.000 đồng, bán lẻ 02 chiếc 40 inch model L40P62-UF được 9.000.000 đồng, còn 04 chiếc 40 inch model L40P62-UF đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra. Quý đã bán lẻ 34 chiếc được tổng số tiền khoảng 150.000.000 đồng, còn lại 24 chiếc (gồm 08 chiếc tivi 40 inch model L40S62, 16 chiếc tivi 43 inch model L43S62T) đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Tổng số tivi Cơ quan điều tra đã thu giữ là 241 chiếc, 59 chiếc tivi còn lại do các đối tượng bán lẻ và bị thất lạc. Tổng số tiền các đối tượng thu được từ việc bán 300 chiếc ti vi TCL là 792.700.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 13/KLĐG ngày 06/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận Lê Chân, thành phố H kết luận:

- Định giá thực tế 241 chiếc tivi màu màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL: 75 chiếc màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL, Model L43S62T, kích thước màn hình 43 inch được định giá là 75 cái x 6.192.000 = 464.400.000đồng; 79 chiếc màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL, Model L40S62, kích thước màn hình 40 inch được định giá là 79 cái x 5.511.600 = 435.416.400đồng; 87 chiếc màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL, Model L40P62-UF, kích thước màn hình 40 inch được định giá là 87 cái x 6.192.000 = 538.704.000đồng;

- Định giá qua hồ sơ 59 chiếc tivi màu màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL chưa thu hồi: 25 chiếc màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL, Model L43S62T, kích thước màn hình 43 inch được định giá là 25 cái x 6.192.000 = 154.800.000đồng; 21 chiếc màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL, Model L40S62, kích thước màn hình 40 inch được định giá là 21 cái x 5.511.600 = 115.743.400đồng; 13 chiếc màn hình LED chưa qua sử dụng, nhãn hiệu TCL, Model L40P62-UF, kích thước màn hình 40 inch được định giá là 13 cái x 6.192.000 = 92.880.000đồng

Tổng giá trị của 300 chiếc tivi màn hình LED, nhãn hiệu TCL các đối tượng đã chiếm đoạt là 1.801.944.000 đồng”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2019/HSST ngày 18/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn T 17 (Mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Đinh Văn T 17 (Mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến Q 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo Đinh Thị C 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, thu lời bất chính, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2019, bị cáo Nguyễn Tiến Q và bị cáo Đinh Văn T kháng cáo xin được giảm hình phạt; ngày 01/7/2019, bị cáo Đinh Thị C cũng kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử cho bị cáo được giảm hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H tham gia phiên tòa và ý kiến tranh luận của các bị cáo và luật sư bào chữa bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH VỀ VỤ ÁN:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Văn T (không kháng cáo) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đinh Văn T khai không tham gia việc bàn bạc, chỉ giúp T đến gặp lái xe H và có nói tên giả là Thắng là người của bộ phận giao nhận kho hàng khu vực phía Bắc để lấy hàng và có giúp cho T vay của vợ chồng C 25.000.000 đồng, song tại phiên tòa phúc thẩm đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tương tự như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến Q chỉ thừa nhận việc cho T vay 25.000.000 đồng để T trả trước một số chi phí theo yêu cầu của T; vợ chồng Q, C không thừa nhận việc được biết và tham gia bàn bạc để chiếm đoạt 300 chiếc tivi, chỉ đến khi bán tivi lấy tiền chia nhau thì Q, C mới biết, song tại phiên tòa phúc thẩm Nguyễn Tiến Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của những người làm chứng; các kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định:

Lê Văn T có thời gian làm phụ xe vận tải hàng hóa đường dài nên biết được một số sơ hở trong công tác quản lý và hoạt động vận tải hàng hóa của các công ty vận tải trong việc hợp đồng vận chuyển, các doanh nghiệp vận tải thường thỏa thuận, trao đổi qua điện thoại mà không cần gặp trực tiếp làm hợp đồng và không có chủ hàng đi cùng. Lê Văn T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã bàn bạc, rủ rê Đinh Văn T tham gia. Ngày 18/02/2018, Lê Văn T đã thực hiện hành vi gian dối, giả làm người có phương tiện đề nghị được vận chuyển hàng hóa cho Công ty Nhất P để thực hiện hợp đồng vận chuyển 500 chiếc tivi nhãn hiệu TCL từ Biên Hòa, Đ đến Cảng Đình Vũ, thành phố H; đồng thời, T cũng giả làm người có hàng hóa liên lạc với Công ty vận tải Minh Phước đề nghị thuê xe vận chuyển hàng hóa với số lượng hàng hóa và lộ trình như trên. Công ty vận tải M đã liên hệ thuê lại xe ô tô Container của Công ty vận tải N và chuyển thông tin cho T biết để làm thủ tục nhận hàng.

Để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, Lê Văn T đã bàn bạc với Đinh Văn T tại nhà vợ chồng em ruột T là Nguyễn Tiến Q và Đinh Thị C. Tại đây, T nói cho T, Q, C biết cách thức T thực hiện việc chiếm đoạt tài sản và sau đó vay của vợ chồng Q, C 25.000.000 đồng để trả một phần cước vận chuyển, tránh sự nghi ngờ. T hứa với vợ chồng Q, C nếu thực hiện xong việc này, T sẽ cho vợ chồng Q, C 10.000.000 đồng. T đã chỉ đạo T bốc dỡ 300 chiếc tivi và tìm đầu mối tiêu thụ tại Bắc Ninh; Q và C ứng trước tiền để trả một số khoản và trực tiếp đi tìm đầu mối, thu tiền tiêu thụ tivi. Đến ngày 25/02/2018, T và T đã tìm địa điểm xuống tivi là bãi đất trống gần cầu Đông Trù, huyện Đông Anh, thành phố H; bị cáo T theo chỉ đạo của T đã nhận 300 chiếc tivi và bốc xếp lên các xe tải vận chuyển đi tiêu thụ, số hàng 200 chiếc tivi còn lại các bị cáo yêu cầu lái xe tiếp tục bàn giao tại kho Đình Vũ, thành phố H. Sau khi chiếm đoạt được tivi, các bị cáo đã đem đi tiêu thụ. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.801.944.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Lê Văn T, Đinh Văn T, Nguyễn Tiến Q, Đinh Thị C đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định vụ án có đồng phạm, theo đó đã có sự phân hóa vai trò, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, theo đó xác định: Bị cáo Đinh Văn T có nhân thân xấu, đã bị nhiều tiền án, tiền sự. Các bị cáo

Nguyễn Tiến Q, Đinh Thị C đều có nhân thân tốt. Các bị cáo sau khi phạm tội đều ra đầu thú; trước khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo T, Q, C đã tự nguyện nộp lại tài sản chiếm đoạt và một số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Trên cơ sở phân tích như trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Đinh Văn T 17 năm tù là phù hợp; riêng bị cáo Nguyễn Tiến Q và bị cáo Đinh Thị C, tại phiên tòa phúc thẩm đã xuất trình biên lai nộp hết số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định các bị cáo phải bồi thường, thêm nữa, đại diện của bị hại cũng có đơn đề nghị được xem xét giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo, cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định các bị cáo này đã tích cực bồi thường, có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên chấp nhận kháng cáo, giảm cho các bị cáo Nguyễn Tiến Q và bị cáo Đinh Thị C một phần hình phạt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Đinh Văn T có đơn kháng cáo nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên Đinh Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tiến Q và Đinh Thị C; sửa bản án sơ thẩm;

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo **Đinh Văn T 17 (Mười bảy) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo **Nguyễn Tiến Q 12 (Mười hai) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/3/2018.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt bị cáo **Đinh Thị C 11 (Mười một) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Bị cáo Đinh Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận: Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo Đinh Văn T đã bồi thường 1.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0005989 ngày 18/10/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố H); bị cáo Nguyễn Tiến Q đã bồi thường số tiền

659.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0005988 ngày 18/10/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố H); bị cáo Đinh Thị C đã bồi thường số tiền 659.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0005990 ngày 18/10/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố H).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 1);
- VKSNDCC tại H;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP H;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Cục THADS TP H;
- Trại tạm giam Công an TP H;
- Các bị cáo (đang ở trại và tại ngoại);
- Lưu HS vụ án, Phòng HCTP/2b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Hồng P